

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH CHÁNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/DS-ST
Ngày: 16-02-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Kim Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.

2. Bà Trần Thị Đúng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thúy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 02 năm 2022, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 571/2020/TLST-DS ngày 03/12/2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 326/2021/QĐXXST-DS ngày 23/12/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 11/2022/QĐST-DS ngày 18/01/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T.

Địa chỉ: Lầu ANam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8 (nay là Phường Võ Thị S), Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Trường Th, sinh năm: 1994. Địa chỉ liên lạc: Lầu ANam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền lập ngày 16/4/2021).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Công L, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Dấp 2, xã Phong Ph, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông Th vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; ông L vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản không hòa giải được - nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T có người đại diện hợp pháp là ông Phạm Trường Th trình bày:

Ngày 04/10/2011, ông L có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 71.128.100 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 62.997.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm Ngh vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 26/01/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 24.284.333 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 16/02/2022, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 101.140.397 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 24.284.333 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng ($2.15\% * 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với ông L, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên ông L vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T kính đề nghị Quý Tòa giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn ông Nguyễn Công L:

Buộc ông Nguyễn Công L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 101.140.397 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 đồng.

Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Bị đơn ông Nguyễn Công L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T đối với bị đơn ông Nguyễn Công L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn ông Nguyễn Công L, ông Nguyễn Công L có nơi cư trú tại huyện Bình Chánh nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Trường Th vắng mặt (có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt) nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Th theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Công L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công L theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thời hiệu khởi kiện của vụ án: Do không có đương sự nào đề nghị áp dụng thời hiệu, căn cứ quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án không xem xét về thời hiệu đối với vụ kiện này.

[4] Về áp dụng pháp luật: Do hợp đồng dân sự của các bên đương sự thực hiện vào thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 có hiệu lực nên Tòa án áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[5] Xét thấy các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp mà bị đơn không có phản đối do đó căn cứ theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nguyên đơn không cần phải chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp. Mặt khác, theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải chứng minh sự phản đối đó là có căn cứ và phải đưa ra chứng cứ để chứng minh. Đương sự có Ngh vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đầy đủ chứng cứ thì phải chịu hậu quả của việc không

chứng minh được hoặc chứng minh không đầy đủ đó. Ông Nguyễn Công L vắng mặt không lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án, do đó ông Nguyễn Công L đã từ bỏ nghĩa vụ chứng minh của mình.

[6] Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để xét xử vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật. Theo lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Phạm Trường Th thì ngày 04/10/2011 ông L có ký với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 2.15%/ tháng (lãi suất trong hạn). Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, ông L đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 71.128.100 đồng.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay ông L đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 62.997.000 đồng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng ông L vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông L vi phạm Ngh vụ thanh toán, ngày 26/01/2014 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 24.284.333 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tạm tính đến ngày 16/02/2022, ông L còn nợ Ngân hàng số tiền là 101.140.397 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 đồng.

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 24.284.333 đồng với lãi suất quá hạn là 3.225%/tháng ($2.15\% * 150\%$) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại.

Nay Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T đề nghị Tòa giải quyết: Buộc ông Nguyễn Công L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 16/02/2022 là 101.140.397 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 đồng.

Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị đơn ông Nguyễn Công L vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện đã được Tòa án thông báo cho ông Nguyễn Công L biết nhưng đến tại phiên tòa hôm nay ông Nguyễn Công L không có văn bản gì thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Căn cứ vào giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng của ông Nguyễn Công L ký với nội dung yêu cầu Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T phát hành thẻ với hạn mức

tín dụng là 40.000.000 đồng. Từ đơn yêu cầu phát hành thẻ, Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T đã cấp thẻ tín dụng cho ông Nguyễn Công L với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ tín dụng, nhiều lần Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Công L thanh toán nợ nhưng ông Nguyễn Công L không thực hiện, do đó ngày 26/01/2014, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn.

[8] Căn cứ vào các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ ký giữa ông Nguyễn Công L với Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T và căn cứ vào các quy định tại Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, đối chiếu quy định như trên thì yêu cầu của Ngân hàng TMCP Sài Gòn T T buộc ông Nguyễn Công L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 16/02/2022 là 101.140.397 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 đồng. Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 17/02/2022 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng, là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[9] Từ những phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông Nguyễn Công L phải trả ngay một lần cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 16/02/2022 là 101.140.397 đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 đồng.

[10] Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 có quy định “Đối với trường hợp chậm thực hiện Ngh vụ trong hợp đồng mà các bên có thỏa thuận về việc trả lãi thì quyết định kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Công L tiếp tục chịu lãi phát sinh sau khi xét xử là có cơ sở chấp nhận.

[11] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[12] Về án phí: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Công L phải chịu 5% án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Ngân hàng là 5.057.020 đồng; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 4, Điều 471 và Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T đối với bị đơn ông Nguyễn Công L về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Công L có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T tổng cộng là 101.140.397 (một trăm linh một triệu, một trăm bốn mươi nghìn, ba trăm chín mươi bảy) đồng, trong đó: nợ gốc là 24.284.333 (hai mươi bốn triệu, hai trăm tám mươi bốn nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng và nợ lãi quá hạn: 76.856.064 (bảy mươi sáu triệu, tám trăm năm mươi sáu nghìn, không trăm sáu mươi bốn) đồng, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Công L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Công L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.057.020 (năm triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, không trăm hai mươi) đồng.

- Hoàn lại cho nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn T T số tiền tạm ứng án phí là 2.057.296 (hai triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, hai trăm chín mươi sáu) đồng theo biên lai thu số AA/2019/0080519 ngày 24/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.BC;
- THADS H.BC;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.



**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Kim Định